

Số: 662/KH-CĐCĐ

Sóc Trăng, ngày 31 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH
Đào tạo ngành, nghề cao đẳng Dược K17
khóa học: 2023 - 2026

- 1. Nghề đào tạo:** Dược (Pharmacy) Mã nghề: 6720201
- 2. Trình độ đào tạo:** Cao đẳng
- 3. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- 4. Mục tiêu đào tạo:**

4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Dược sĩ trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Kiến thức:

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược;
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam;
- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);

- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc;
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng;
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP, GDP) trong thực hành nghề nghiệp;
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

4.2.2. Kỹ năng:

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;

- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định;
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;



- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

4.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;

- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;

- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;

- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

4.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;

- Đảm bảo chất lượng;

- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;

- Kinh doanh thuốc, dược phẩm (bán buôn, bán lẻ);

- Sản xuất thuốc;

- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông

lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

5. Khóa học: Khóa 17 (Dược 1_K17; Dược 2_K17; Dược 3_K17)

6. Thời gian khóa học: 3 năm (từ tháng 9/2023 đến tháng 9/2026).

7. Thời gian học tập: 126 tuần. Trong đó:

- Thời gian học tập: 36 tuần x 3 năm = 108 tuần

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun: 6 tuần x 3 năm = 18 tuần.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 26 tuần.

- Thời gian nghỉ hè: 6 tuần x 2 năm = 12 tuần

- Thời gian nghỉ tết: 2 tuần x 3 năm = 6 tuần

- Thời gian cho các hoạt động khác (dự trữ, nghỉ lễ, sinh hoạt chính trị, khai giảng, bế giảng): 8 tuần

9. Quyết định phê duyệt chương trình: Ban hành kèm theo Quyết định số 671/QĐ-CĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)

I. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	Từ tháng 9/2023 – 9/2026												
Tuần	1	2	3	4	5	48	49	50	51	52
Năm học	2023-2024; 2024-2025; 2025-2026												
I	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
III	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x



II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy						
				Tổng số	Trong đó		Năm 1		Năm 2		Năm 3		
					LT	TH/ TL/TN /BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)
1	CT011	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	I					
2	PL001	Pháp luật	2	30	18	10	2	I					
3	TC001	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	I					
4	TH001	Tin học	3	75	15	58	2	I					
5	TA011	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3	I					
6	C201DH02	Hoá học đại cương vô cơ	3	60	30	27	3	I					
7	C201DH04	Giải phẫu - sinh lý	5	105	45	55	5	I					
8	C201DH05	Vì sinh- ký sinh	3	60	30	27	3	I					
9	QP011	Giáo dục QP và AN	3	75	36	35	4		II				
10	TA012	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3		II				
11	C201DH03	Sinh học và di truyền	2	30	28	0	2		II				
12	C201DH06	Hoá hữu cơ	3	60	30	27	3		II				
13	C201DH08	Hoá sinh	3	60	30	27	3		II				
14	C201DH09	Bệnh học	4	75	45	26	4		II				
15	C201DH01	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2			III			
16	C201DH07	Hoá phân tích	6	135	45	84	6			III			

TT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy						
				Tổng số	Trong đó		Năm 1		Năm 2		Năm 3		
					LT	TH/ TL/TN /BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)
17	C201DH10	Thực vật dược	4	90	30	56	4			III			
18	C201DH13	Dược lý 1	5	105	45	55	5			III			
19	C201DH15	Bào chế 1	5	105	45	55	5			III			
20	C201DH12	Dược liệu	5	105	45	55	5				IV		
21	C201DH14	Dược lý 2	5	105	45	55	5				IV		
22	C201DH16	Bào chế 2	5	105	45	55	5				IV		
23	C201DH24	Thực tế ngành	6	270	0	270	BC				IV		
24	C201DH11	Hoá dược	6	135	45	84	6					V	
25	C201DH17	Kiểm nghiệm thuốc	5	105	45	55	5					V	
26	C201DH20	Dược lâm sàng	6	135	45	84	6					V	
27	C201DH22	Pháp chế dược	4	90	30	56	4					V	
28	C201DH23	Dược học cổ truyền	4	90	30	56	4					V	
29	C201DH25	Thực tập Dược lâm sàng bệnh viện	3	135	0	135	BC					V	
30	C201DH18	Quản lý tồn trữ thuốc	4	90	30	56	4						VI
31	C201DH19	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	45	15	27	3						VI
32	C201DH21	Kinh tế dược	4	90	30	56	4						VI
33		Tự chọn	2	45	15	28	2						VI



TT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy							
				Tổng số	Trong đó		Năm 1		Năm 2		Năm 3			
					LT	TH/ TL/TN /BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)	
34	C201DH26	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	BC							VI
		Thi tốt nghiệp												
35		Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp												VI
36		Thực hành nghề nghiệp												VI
		Cộng toàn khóa	130	3.180	995	2.064	121	525	360	480	585	690	540	

Kế hoạch đào tạo có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. / VS

Nơi nhận:

- HT, các PHT (chỉ đạo);
- Các đơn thị thuộc và trực thuộc;
- Đăng website của Trường;
- Lưu: VT, TSĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Tâm